

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 9
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 1307/2025/DS-ST
Ngày: 19-9-2025
V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 9 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: bà Nguyễn Hoàng Nguyệt Ánh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Phạm Thị Thanh Thuận
2. Ông Trần Văn Xê

- Thư ký phiên tòa: bà Lê Thị Kim Cương, Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 9 - Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực X - Thành phố H tham gia phiên tòa: ông Trần Quang Lộc - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 9 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 9 - Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 1186/2024/TLST – DS ngày 11 tháng 10 năm 2024 về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 277/2025/QĐXXST-DS ngày 28 tháng 7 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 225/2025/QĐST-DS ngày 22 tháng 8 năm 2025, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP S; Trụ sở: số 2xx N, phường X (phường V, Quận X cũ), Thành phố H.

Người đại diện theo uỷ quyền: bà Võ Thị Quỳnh D, sinh năm 19xx (Theo Giấy uỷ quyền số 3125/2025/UQ-TT.XLN ngày 01/8/2025)

2. Bị đơn: ông Trần Thanh P, sinh năm 19xx; Địa chỉ: 4X Đường số X, phường B (tên cũ: khu phố X, phường B, quận B1), Thành phố H.

(nguyên đơn và bị đơn xin vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, lời trình bày của đương sự tại phiên hòa giải, phiên họp kiểm tra giao nộp tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cùng các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ thì nội dung vụ án được xác định như sau:

Nguyên đơn Ngân hàng TMCP S có người đại diện theo ủy quyền là bà Võ Thị Quỳnh D trình bày:

Ngày 20/9/2022, ông Trần Thanh P có ký với Ngân hàng TMCP S (gọi tắt là Ngân hàng) Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng (bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng và bản Điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng cá nhân của Ngân hàng TMCP S - các tài liệu này được gọi chung là Hợp đồng). Căn cứ thu thập của ông P, Ngân hàng đã đồng ý cấp thẻ tín dụng với hạn mức sử dụng là 50.000.000 đồng, với mục đích tiêu dùng cá nhân.

Sau khi được cấp thẻ tín dụng, ông P đã thực hiện các giao với tổng số tiền là 116.000.000 đồng. Trong quá trình sử dụng thẻ, ông P thanh toán cả gốc và lãi cho Ngân hàng số tiền 75.107.258 đồng (Thứ tự thanh toán căn cứ theo Điều 21 của bản Điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng cá nhân của Ngân hàng TMCP S). Qua nhiều lần làm việc nhắc nhở nhưng ông P vẫn không có thiện chí trả nợ.

Do ông P vi phạm nghĩa vụ thanh toán (Điều 18 của Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng), ngày 11/8/2023 Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn (Điều 24 của Bản Điều khoản và điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng)

Tính đến ngày 19/9/2025, ông P còn nợ Ngân hàng các khoản sau:

- Dư nợ gốc: 55.822.634 đồng
- Lãi quá hạn: 60.042.261 đồng
- Tổng cộng: 115.864.895 đồng

Mặc dù Ngân hàng đã yêu cầu ông P có trách nhiệm thanh toán tuy nhiên ông P vẫn chưa thanh toán khoản nợ vay quá hạn cho Ngân hàng, vi phạm các điều khoản đã qui định tại Hợp đồng đã ký.

Tại Toà án, nguyên đơn yêu cầu Toà án:

1. Buộc ông Trần Thanh P phải trả ngay cho Ngân hàng tổng số tiền tạm tính đến ngày 19/9/2025 là 115.864.895 đồng trong đó:

- Dư nợ gốc: 55.822.634 đồng
- Lãi quá hạn: 60.042.261 đồng

2. Ông Trần Thanh P có trách nhiệm thanh toán khoản lãi phát sinh từ ngày 20/9/2025 cho đến khi trả dứt nợ vay theo lãi suất quy định tại Hợp đồng.

Ông Trần Thanh P trực tiếp ký hợp đồng tín dụng với ngân hàng. Do đó, Ngân hàng TMCP S chỉ yêu cầu cá nhân ông Trần Thanh P có trách nhiệm trả nợ cho ngân hàng, không yêu cầu vợ ông P (nếu có) liên đới trả nợ.

Khi ký Hợp đồng với Ngân hàng thì bị đơn cung cấp địa chỉ của bị đơn tại số X Đường số X, phường B (phường B, quận B1 cũ), Thành phố H. Tính đến nay, ông P không có bất kỳ thông báo nào cho Ngân hàng biết địa chỉ nào khác của ông P. Do đó, Ngân hàng không cung cấp được địa chỉ nào khác của ông P cho Tòa án.

Bị đơn ông Trần Thanh P: có đơn giải quyết vắng mặt, không có yêu cầu phản tố. Quá trình giải quyết vụ án có trình bày ý kiến: ông P xác nhận ngày 20/9/2022 có ký với Ngân hàng Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng, bản Điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng cá nhân của Ngân hàng TMCP S. Ông P đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền là 116.000.000 đồng, ông P đã thanh toán cả gốc và lãi cho Ngân hàng số tiền 75.107.258 đồng. Ông P xác nhận còn nợ Ngân hàng số tiền nợ gốc 56.722.634 đồng còn nợ lãi không nhớ rõ. Ông P đề nghị được thanh toán nợ gốc và lãi cho Ngân hàng với số tiền 1.000.000 đồng cho đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản nợ vì hiện nay kinh tế khó khăn, nguồn thu nhập không tốt.

Tại phiên tòa: nguyên đơn và bị đơn có đơn xin giải quyết vắng mặt.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực X – Thành phố H: Trong quá trình thụ lý giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành đúng các thủ tục theo quy định của pháp luật Tố tụng dân sự về thẩm quyền khởi kiện, thời hiệu khởi kiện, thụ lý vụ án, thủ tục thông báo và tổng đạt văn bản tố tụng, hòa giải, phiên họp thu thập chứng cứ, ra quyết định đưa vụ án ra xét xử, việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký tại phiên tòa, thủ tục phiên tòa, việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng.

Về nội dung: Căn cứ Điều 463, 465, 466 của Bộ luật Dân sự năm 2015; căn cứ Điều 91, 95 Luật các tổ chức Tín dụng đề nghị Hội đồng xét xử xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn buộc ông P phải trả cho Ngân hàng số tiền 115.864.895 đồng (gồm 55.822.634 đồng tiền gốc; tiền lãi quá hạn 60.042.261 đồng tính từ ngày 11/8/2023 đến ngày xét xử sơ thẩm) và tiền lãi phát sinh.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

- Xét Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng ngày 20/9/2022, bản Điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng cá nhân của Ngân hàng TMCP S giữa Ngân hàng và ông Trần Thanh P thì đây là quan hệ hợp đồng tín dụng giữa pháp nhân và cá nhân với mục đích vay là tiêu dùng cho cá

nhân; bị đơn có địa chỉ tại phường B, Thành phố H. Do đó, Tòa án nhân dân khu vực X – Thành phố H thụ lý và giải quyết theo thủ tục vụ án dân sự là đúng thẩm quyền được quy định tại Khoản 3 Điều 26, Điểm a Khoản 1 Điều 35, Điểm a Khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- Tòa án đã triệu tập hợp lệ đại diện nguyên đơn và bị đơn nhưng đều có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Căn cứ vào khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án theo quy định pháp luật.

Vụ án thuộc trường hợp Viện kiểm sát nhân dân tham gia phiên tòa theo quy định tại khoản 2 Điều 21 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[2] Về nội dung tranh chấp:

Xét việc Ngân hàng Thương mại Cổ phần S yêu cầu ông Trần Thanh P phải thanh toán nợ theo Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng ngày 20/9/2022 và bản Điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng cá nhân của Ngân hàng TMCP S, Hội đồng xét xử nhận định:

- Về số nợ gốc: Căn cứ vào các chứng cứ có trong hồ sơ do nguyên đơn cung cấp gồm: Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng 20/9/2022 và bản Điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng cá nhân của Ngân hàng TMCP S có cơ sở xác định ông Trần Thanh P có vay của Ngân hàng số tiền là 116.000.000 đồng. Do ông Trần Thanh P không trả được nợ gốc nên Ngân hàng khởi kiện ông P trả tiền vốn gốc còn nợ là có cơ sở để xem xét. Quá trình thực hiện hợp đồng ông P xác nhận nợ Ngân hàng số tiền vốn gốc. Như vậy số tiền nợ vốn ông P còn phải trả cho Ngân hàng là 55.822.634 đồng. Việc ông P vi phạm nghĩa vụ trả nợ vốn đã được các bên thỏa thuận trong Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng 20/9/2022 và bản Điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng cá nhân của Ngân hàng TMCP S nên Hội đồng xét xử có căn cứ chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, buộc ông P phải trả cho Ngân hàng số tiền nợ gốc là 55.822.634 đồng.

- Về tiền lãi quá hạn: Xét trong việc thực hiện Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng 20/9/2022 và bản Điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng cá nhân của Ngân hàng TMCP S, ông P là bên vi phạm hợp đồng, không trả lãi đúng hạn quy định theo hợp đồng. Theo lời khai của đại diện nguyên đơn thì trong quá trình thực hiện hợp đồng ông P chưa thanh toán được tiền lãi là 60.042.261 đồng. Xét số tiền lãi do Ngân hàng yêu cầu được tính dựa trên mức lãi suất phù hợp với thỏa thuận của các bên tại Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng 20/9/2022 và bản Điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng cá nhân của Ngân hàng TMCP S. Căn cứ Điều 91, 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 và các văn bản pháp luật có liên quan về ban hành quy chế cho vay của tổ chức tín dụng với khách hàng nên được Hội đồng xét xử chấp nhận, buộc ông P phải trả lãi tính từ ngày 11/8/2023 đến ngày xét xử sơ thẩm là 60.042.261 đồng và tiền lãi phát sinh từ ngày 20/9/2025 cho đến khi trả hết nợ gốc.

Như vậy, tổng cộng ông Trần Thanh P phải trả cho Ngân hàng số tiền tính đến ngày 19/9/2025 là 115.864.895 đồng (trong đó nợ gốc là 55.822.634 đồng, tiền lãi quá hạn là 60.042.261 đồng) và tiền lãi phát sinh từ ngày 20/9/2025 cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc.

Từ phân tích trên, Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[3] Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực X - Thành phố H phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử và đúng quy định pháp luật nên chấp nhận.

[4] Về án phí: ông Trần Thanh P phải chịu án phí sơ thẩm là 5.793.245 đồng do phải trả cho Ngân hàng số tiền là 115.864.895 đồng.

Ngân hàng không phải chịu án phí nên được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Các điều 26, 35, 39, 91, 92, 147, 227, 228, 266 và 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2025;
- Các điều 91, 95 Luật các Tổ chức Tín dụng năm 2010;
- Luật Thi hành án dân sự.
- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng thương mại cổ phần S:

Buộc ông Trần Thanh P phải thanh toán cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần S số tiền còn nợ của Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng 20/9/2022 và bản Điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng cá nhân của Ngân hàng TMCP S với tổng số tiền tính đến ngày 19/9/2025 là 115.864.895 đồng (một trăm mười lăm triệu, tám trăm sáu mươi bốn nghìn, tám trăm chín mươi lăm đồng). Trong đó: nợ gốc là 55.822.634 đồng, tiền lãi quá hạn là 60.042.261 đồng.

Ông Trần Thanh P phải thanh toán cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần S tiền lãi tính kể từ ngày 20/9/2025 cho đến khi trả hết nợ gốc theo mức lãi suất thỏa thuận được quy định tại Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng ngày 20/9/2022 và bản Điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng cá nhân của Ngân hàng TMCP S.

Thanh toán một lần ngay khi bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật.

Các bên thi hành tại cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền.

2. Án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Trần Thanh P phải nộp án phí dân sự sơ thẩm là 5.793.245 (năm triệu, bảy trăm chín mươi ba nghìn, hai trăm bốn mươi lăm) đồng.

Hoàn lại cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần S số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 2.069.176 (hai triệu, không trăm sáu mươi chín nghìn, một trăm bảy mươi sáu) đồng theo biên lai thu số 0010770 ngày 08/10/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự quận B, Thành phố H (nay là Phòng thi hành án dân sự khu vực X – Thành phố H).

3. Án sơ thẩm xử công khai. Các đương sự có mặt được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Các đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hoặc niêm yết hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND TP.H;
- VKSND TP.H;
- VKSND K VX TP.H;
- THADS TP.H;
- Các đương sự;
- Lưu VP, HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Hoàng Nguyệt Ánh